

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 07/2017/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 31 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 23/2008/QĐ-UBND ngày 27/7/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam Ban hành Quy định định mức chi đối với các đề tài, dự án khoa học - công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đình Văn Thu

QUY ĐỊNH

**Định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ
khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, bao gồm:

- a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; cấp cơ sở;
- b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình hợp tác của tỉnh Quảng Nam với các cơ quan khác được triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (có sử dụng ngân sách của tỉnh Quảng Nam);
- c) Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (kể cả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kinh phí đối ứng từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh) được áp dụng theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quyết định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ thuộc chương trình hợp tác của tỉnh Quảng Nam.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được áp dụng quy định này để xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhưng tối đa bằng 70% định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

3. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- a) Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- c) Thành viên;
- d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ (dựa trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do các cơ quan chức năng ban hành, được Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ xem xét). Nội dung này được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia ủy quyền địa phương quản lý; thủ trưởng cơ quan quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 5. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 4 Quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

nghệ. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu,

	thông tin, tài liệu, dữ liệu	dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$Tc = Lcs \times Hstcn \times Snc$$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Lcs: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hstcn: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày $Hstcn = (Hcd \times Hkh) / 22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	4,84	2,5	0,55

2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	3,79	2,0	0,34
3	Thành viên	2,56	1,5	0,17
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,00	1,2	0,11

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 15% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 28.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 28.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

a) Người chủ trì: 700.000 đồng/buổi hội thảo.

b) Thư ký hội thảo: 350.000 đồng/buổi hội thảo.

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo (đối với Chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc các thành viên nghiên cứu nếu có báo cáo được trình bày tại hội thảo chỉ thanh toán 500.000 đồng/báo cáo).

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo)

đ) Thành viên tham gia hội thảo: 150.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên Hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy định này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 80 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 7. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn.

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được trúng tuyển và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp Hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN; Tư vấn đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		700
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		500
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		200
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		350
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		
	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	450
	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	100
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		1.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700
	Thư ký hành chính		200

	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		350
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng		500

b) Định mức chi tiền công của các Hội đồng tại điểm a khoản 1 Điều 8 Quy định này là định mức tối đa, áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và Hội đồng tư vấn đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 quy định này.

Mục 2

LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định,

tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm và định mức chi tại Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh, để trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Phòng quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Phòng Kinh tế và Hạ tầng/Kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Phòng có chức năng theo dõi, quản lý hoạt động khoa học công nghệ thuộc các sở, ban, ngành) xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp vào dự toán ngân sách của các đơn vị, địa phương trình Thủ trưởng cơ quan quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở phê duyệt.

Điều 10. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ xây dựng dự toán

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng, UBND tỉnh ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại Quyết định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu xây dựng dự toán

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Tổ thẩm định:

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Tổ thẩm định) để tư vấn cho Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước do các tổ chức, cá nhân lập.

a) Thành phần Tổ thẩm định:

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- + Lãnh đạo phòng Quản lý Khoa học;
- + Cán bộ trực tiếp theo dõi về nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- + Kế toán Sở Khoa học và Công nghệ.
- Một đại diện Sở Tài chính.
- Một thành viên của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp (được mời trong trường hợp cần thiết).

Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định:

Chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định. Các thành viên Tổ thẩm định có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định.

Tổ thẩm định căn cứ chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước; hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉnh sửa theo Biên bản họp Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp để thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu so với kết luận của biên bản họp Hội đồng, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần, kiểm tra văn bản cam kết huy động vốn từ nguồn khác.

Tổ thẩm định xây dựng Biên bản thẩm định cho từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình bày những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng tại phiên đánh giá hồ sơ, trả lời các câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định và không tiếp tục tham dự phiên họp của Tổ thẩm định.

Trường hợp hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉnh sửa, hoàn thiện chưa đáp ứng so với kết luận của hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, Tổ thẩm định báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

Đối với những nội dung chi các tổ viên không thống nhất (nếu có) thì báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết.

3. Phê duyệt dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Trên cơ sở báo cáo của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp gửi Sở Tài chính.

Sở Tài chính căn cứ chế độ, định mức, tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước nhanh chóng thẩm định dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để kịp tiến độ, mùa vụ của từng nhiệm vụ theo kế hoạch triển khai được phê duyệt, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Đối với những nội dung chi giữa Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ không thống nhất (nếu có) thì báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Giao dự toán

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trong dự toán thu, chi của Sở Khoa học và Công nghệ để Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện.

5. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy định này áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt từ năm 2017 trở về sau. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt từ năm 2016 trở về trước thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đình Văn Thu